

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
QUÍ 1 NĂM 2009**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.108.617.138.683	975.557.342.580
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		223.016.361.091	172.153.997.594
1. Tiền	111	V.1	223.016.361.091	158.653.997.594
2. Các khoản tương đương tiền	112			13.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		83.424.430.254	91.315.414.965
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	225.572.626.265	227.757.256.682
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(142.148.196.011)	(136.441.841.717)
III. Các khoản phải thu	130		622.242.866.394	521.220.252.044
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	343.147.165.266	246.900.814.866
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	111.349.719.058	125.567.985.334
3. Phải thu nội bộ	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	168.991.598.469	149.997.068.243
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(1.245.616.399)	(1.245.616.399)
IV. Hàng tồn kho	140		27.853.004.799	28.616.371.096
1. Hàng tồn kho	141	V.8	27.853.004.799	28.616.371.096
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		152.080.476.145	162.251.306.882
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	41.112.533.568	14.606.288.844
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.217.883.787	15.150.711.470
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	22.145.010.968	24.479.923.807
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	84.605.047.821	108.014.382.761

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Cho quý 1 năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.487.039.203.929	2.568.599.967.038
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	213		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.639.295.089.836	1.661.821.240.963
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	1.260.704.915.724	1.311.736.609.650
<i>Nguyên giá</i>	222		1.737.682.217.889	1.760.094.977.018
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(476.977.302.165)	(448.358.367.368)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	14.078.559.143	15.196.274.313
<i>Nguyên giá</i>	225		23.890.768.666	23.890.768.666
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(9.812.209.523)	(8.694.494.353)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	11.439.364.803	11.384.252.729
<i>Nguyên giá</i>	228		11.901.753.817	11.812.145.552
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(462.389.014)	(427.892.823)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	353.072.250.166	323.504.104.271
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	267.196.849.796	262.419.257.921
<i>Nguyên giá</i>	241		275.560.947.056	267.774.752.981
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(8.364.097.260)	(5.355.495.060)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		560.893.270.697	620.106.937.664
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	85.044.646.860	105.539.643.760
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	187.599.843.143	226.318.513.210
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	424.188.611.094	424.188.611.094
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.20	(135.939.830.400)	(135.939.830.400)
V. Lợi thế thương mại	260			-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		19.653.993.600	24.252.530.490
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.21	17.767.701.032	20.583.522.923
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.22	1.243.746.871	1.243.746.870
3. Tài sản dài hạn khác	278	V.23	642.545.697	2.425.260.697
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.595.656.342.612	3.544.157.309.619

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Cho quý 1 năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.518.416.650.886	1.485.208.905.413
I. Nợ ngắn hạn	310		716.798.307.623	688.815.603.129
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	165.339.152.377	184.241.453.542
2. Phải trả cho người bán	312	V.25	291.961.821.734	256.171.151.805
3. Người mua trả tiền trước	313	V.26	49.695.034.589	21.790.662.239
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.27	7.489.373.367	14.109.417.841
5. Phải trả công nhân viên	315	V.28	3.428.042.085	23.436.073.041
6. Chi phí phải trả	316	V.29	52.758.738.458	35.782.118.599
7. Phải trả nội bộ	317	-	0	(0)
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.30	134.384.177.353	141.542.758.403
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		V.31	11.741.967.660	11.741.967.660
II. Nợ dài hạn	320		801.618.343.263	796.393.302.284
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323	V.32	25.725.670.902	25.714.513.302
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.33	760.624.766.846	757.744.207.247
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		13.851.394.673	10.940.703.745
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.416.510.842	1.993.877.990
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.052.908.807.050	2.036.142.843.182
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.048.167.249.194	2.030.295.492.231
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	475.000.000.000	475.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.34	1.366.907.462.400	1.366.907.462.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.34	69.388.382.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	413		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		1.560.066.747	7.985.841.555
7. Quỹ đầu tư phát triển	416		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	417	V.34	13.410.665.221	13.410.665.221
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	V.34	13.320.100.315	13.320.100.315
10. Lợi nhuận chưa phân phối	419	V.34	108.580.571.609	81.873.646.838
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		4.741.557.856	5.847.350.951
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421	V.35	4.741.557.856	5.847.350.951
2. Nguồn kinh phí	422		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	423		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	V.36	24.330.884.677	22.805.561.022
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		<u>3.595.656.342.612</u>	<u>3.544.157.309.619</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2009

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc